

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2021/DS-PT

Ngày: 10 - 3 - 2021

V/v: “*Tranh chấp tài sản thừa kế; yêu cầu hủy văn bản công chứng; yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*

**Ông Võ Ngọc Thông;**

*Các Thẩm phán:*

**Ông Nguyễn Văn Tiến;**

**Ông Phạm Việt Cường.**

***Thư ký phiên tòa:*** ông Phạm Văn Phong, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*** Bà **Bùi Thị Dung**, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 66/TBTL-TA ngày 18 tháng 11 năm 2020 về “*Tranh chấp tài sản thừa kế; yêu cầu hủy văn bản công chứng; yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2020/DS-ST ngày 16/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 855/2021/QĐ-PT ngày 22-02-2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Đ; địa chỉ: Thôn X, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị T, chị Nguyễn Thị Bích T, chị Nguyễn Thị Bích V, anh Nguyễn Chí T, anh Nguyễn Nhật T. Có mặt (anh Nguyễn Chí T Có Đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

*Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Bích T:* Chị Nguyễn Thị Bích V. Có mặt.

*Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bà Huỳnh Thị T:* Ông Nguyễn Văn T – Luật sư Văn phòng luật sư N thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

Địa chỉ: thành phố Hà Nội.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Nguyễn Thị X; địa chỉ: tỉnh Khánh Hòa.

+ Bà Nguyễn Thị P; địa chỉ: huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị X và Nguyễn Thị P:* Ông Nguyễn Đ. Có mặt.

+ Anh Nguyễn Duy L, anh Nguyễn Thanh M, chị Nguyễn Thị Kiều T, bà Nguyễn Thị C;

Cùng địa chỉ: huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

*Người đại diện theo ủy quyền của anh M, chị T, bà C là:* anh Nguyễn Duy L. Có mặt.

+ Ông Nguyễn N V; địa chỉ: huyện C, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

+ Văn phòng công chứng N và ông Thái Văn N: Vắng mặt.

Địa chỉ: huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

+ Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa. Có Đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Đỗ Thị Kiều T, Công chức Tư pháp – Hộ tịch. Có Đơn xin xét xử vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

### ***Nội dung trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:***

Cha chúng tôi tên Nguyễn T (chết năm 2001), mẹ là Phan Thị N (chết ngày 25/5/2004). Cụ T và cụ N có 05 người con gồm: bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Đ, ông Nguyễn D, bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn T1 (chết năm 1989). Ngoài ra, cụ T cụ N không còn con chung, con riêng nào khác.

Cụ T và cụ N tạo lập được tài sản gồm: thửa đất số 1329 tờ bản đồ số 04 diện tích 320 m<sup>2</sup> (trong đó có 200m<sup>2</sup> đất ở đô thị, 120 m<sup>2</sup> đất cây lâu năm); thửa đất số 73 tờ bản đồ số 06 diện tích 1.375 m<sup>2</sup> (trong đó có 1290 m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm, 85 m<sup>2</sup> đất lưu không); thửa đất số 145 tờ bản đồ số 06 diện tích 590 m<sup>2</sup> (trong đó có 200m<sup>2</sup> đất ở đô thị, 360m<sup>2</sup> đất cây lâu năm); thửa số 134 tờ bản đồ số 07 diện tích 3.625 m<sup>2</sup> (trong đó có 3590 m<sup>2</sup> đất trồng cây, 35 m<sup>2</sup> đất lưu không) cùng tọa lạc tại địa chỉ: tổ dân phố N, thị trấn Đ, thị xã CR (nay là huyện C) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R585645, sổ vào sổ 00897/QSĐĐ/CĐ-CR do Ủy ban nhân dân thị xã CR cấp ngày 09/8/2000 cấp cho hộ ông Nguyễn T bà Phan Thị N.

Cụ T chết không để lại di chúc. Cụ N chết có để lại Di chúc đề ngày 08/10/2003 có tất cả các con ký vào Di chúc này.

Theo nội dung Di chúc, ông được hưởng hai thửa đất: thửa đất số 73 tờ bản đồ số 06 diện tích 1.375 m<sup>2</sup>, thửa số 134 tờ bản đồ số 07 diện tích 3.625 m<sup>2</sup>. Tuy

nhiên, vì tình nghĩa anh em nên ông cho em trai là ông Nguyễn D mượn canh tác, sinh sống và không lập văn bản gì.

Sau khi cha mẹ chết, ông Nguyễn D đã tự ý lập Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 21/10/2010 để phân chia toàn bộ tài sản thừa kế của cha mẹ. Từ đó, ông D đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi ông D chết, vợ con ông D lập thủ tục để phân chia các tài sản này và hiện đã được Ủy ban nhân dân huyện C cập nhật trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Huỳnh Thị T, ông Nguyễn Chí T.

Tại Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đ yêu cầu Tòa án phân chia tài sản thừa kế của cụ T, cụ N theo Di chúc đã được cụ N và các con lập ngày 08/10/2003 đối với hai thửa đất: thửa đất số 73 tờ bản đồ số 06 diện tích 1.375 m<sup>2</sup>, thửa số 134 tờ bản đồ số 07 diện tích 3.625 m<sup>2</sup> tọa lạc tại tổ dân phố N, thị trấn Đ, huyện C; Tuyên hủy văn bản phân chia tài sản ngày 21/10/2010 đối với hai thửa đất: thửa đất số 73 tờ bản đồ số 06, thửa số 134 tờ bản đồ số 07 nêu trên; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA748760, sổ vào sổ CH0015 cấp ngày 24/02/2010; số BA748759, sổ vào sổ CH00156 cấp ngày 24/02/2010 cùng được Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Nguyễn D.

Ngày 12/6/2018, ông Đ có đơn yêu cầu giám định chữ ký của ông tại Văn bản phân chia tài sản ngày 21/10/2010. Ngày 16/4/2019, ông Đ có đơn rút yêu cầu này.

Tại phiên tòa ngày 11/9/2019, ông Nguyễn Đ thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện như sau:

- Yêu cầu chia di sản của cụ T, cụ N theo pháp luật đối với thửa đất số 1329 tờ bản đồ số 04 diện tích 320 m<sup>2</sup> (trong đó có 200m đất ở đô thị, 120 m<sup>2</sup> đất cây lâu năm); thửa đất số 73 tờ bản đồ số 06 diện tích 1.375 m<sup>2</sup> (trong đó có 1290 m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm, 85 m<sup>2</sup> đất lưu không); thửa đất số 145 tờ bản đồ số 06 diện tích 590 m<sup>2</sup> (trong đó có 200m<sup>2</sup> đất ở đô thị, 360m<sup>2</sup> đất cây lâu năm); thửa số 134 tờ bản đồ số 07 diện tích 3.625 m<sup>2</sup> (trong đó có 3590 m<sup>2</sup> đất trồng cây, 35 m<sup>2</sup> đất lưu không) cùng tọa lạc tại địa chỉ: tổ dân phố N, thị trấn Đ, thị xã CR (nay là huyện C) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R585645, sổ vào sổ 00897/QSĐĐ/CD-CR do Ủy ban nhân dân thị xã CR cấp ngày 09/8/2000 cấp cho hộ ông Nguyễn T bà Phan Thị N;

- Tuyên hủy văn bản phân chia tài sản ngày 21/10/2010;

- Tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA748760, sổ vào sổ CH0015 cấp ngày 24/02/2010; số BA748759, sổ vào sổ CH00156 cấp ngày 24/02/2010; số BA 748758, sổ vào sổ CH00155 cấp ngày 24/02/2010 cùng được Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Nguyễn D.

Ngày 06/3/2020, ông Nguyễn Đ có Đơn rút đơn khởi kiện đối với yêu cầu chia di sản theo pháp luật đối với thửa đất số 145 tờ bản đồ số 06 diện tích 590m<sup>2</sup>.

***Nội dung trình bày của bị đơn – bà Huỳnh Thị T:***

Bà T là con dâu của cụ T, cụ N. Cụ T và cụ N có 05 người con gồm: bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Đ, ông Nguyễn D (chết), bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn T1 (chết năm 1989).

Khi bà về làm dâu thì bà biết ông Nguyễn D đang đứng tên và canh tác hai thửa đất: thửa đất số 73 tờ bản đồ số 06 diện tích 1.375 m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA748759, số vào sổ CH00156 cấp ngày 24/02/2010 và thửa số 134 tờ bản đồ số 07 diện tích 3.625 m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA748760, số vào sổ CH0015 cấp ngày 24/02/2010. Trong quá trình sử dụng, vì lý do sức khỏe nên ông D đã cho con trai là Nguyễn Chí T thừa đất số thửa số 134 tờ bản đồ số 07. Sau khi ông D chết, tất cả các con ông D đã làm thủ tục phân chia di sản và bà T là người hưởng toàn bộ thửa đất số 73 tờ bản đồ số 06.

Đối với giấy tờ phân chia tài sản và di chúc, bà T không biết gì. Bà T yêu cầu Tòa án giám định chữ ký của ông Nguyễn D tại Di chúc của cụ N đề ngày 08/10/2003. Đồng thời, bà yêu cầu xem xét tính hợp pháp của trích lục Giấy chứng tử số 635/TLKT-BS ngày 16/10/2017 do ông Nguyễn Đ cung cấp cho Tòa án bởi theo chứng tử này thời gian chết của cụ N là 25/5/2004 trong khi bà T đang giữ bản chính Giấy chứng tử số 68, quyền số 02/2009 ghi nhận thời gian cụ N chết là ngày 01/5/2003.

Bà T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Đ vì cụ N chết ngày 01/5/2003 thì không thể viết Di chúc ngày 08/10/2003, chữ ký của ông Nguyễn D trong Di chúc là giả mạo và việc ông Nguyễn D được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng theo quy định của pháp luật, việc ông D sử dụng đất trong suốt thời gian dài không có ai tranh chấp.

Ông Nguyễn Chí T, bà Nguyễn Thị Bích V (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Bích T) thống nhất với nội dung trình bày của bà Huỳnh Thị T, các ông bà không có bổ sung, sửa đổi gì thêm. Ông T bà V không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đ.

Tại phiên tòa ngày 11/9/2019, bà T xuất trình Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 00000744 ngày 05/6/2018 giữa bà Huỳnh Thị T và ông Nguyễn N V đối với thửa đất số 73 tờ bản đồ số 06. Tại phiên tòa bà T khai việc chuyển nhượng đã hoàn thành: bà T đã nhận tiền, ông V đã nhận và quản lý, canh tác trên đất.

Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông Đ tại phiên tòa ngày 11/9/2019, các bị đơn cũng không đồng ý.

***Nội dung trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị X trình bày:*

Cha mẹ bà X là cụ Nguyễn T và cụ Phan Thị N. Cụ T và cụ N có 05 người con gồm: bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Đ, ông Nguyễn D (chết), bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn T1 (chết năm 1989). Ngoài ra, cụ T cụ N không còn người con chung con riêng nào khác. Mẹ của bà X có để lại Di chúc ghi ngày 08/10/2003 do ông Nguyễn Đ viết, có cụ N cùng các anh chị em là

Nguyễn Đ, Nguyễn D, vợ chồng Nguyễn Thị P, vợ chồng Nguyễn Thị X cùng chứng kiến và kí vào giấy này, riêng cụ N thì lẩn tay. Bản chính của Di chúc do ông Nguyễn Đ giữ. Văn bản phân chia di sản ngày 21/10/2010 thì bà không hề hay biết và bà không đồng ý với văn bản này. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đ, bà X đồng ý và đề nghị được nhận tài sản thừa kế bằng hiện vật.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P trình bày:*

Cha mẹ bà P là cụ Nguyễn T và cụ Phan Thị N. Cụ T và cụ N có 05 người con gồm: bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Đ, ông Nguyễn D (chết), bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn T1 (chết năm 1989). Ngoài ra, cụ T cụ N không còn người con chung con riêng nào khác. Ngày 8/10/2003, cụ N có lập Di chúc và được tất cả các con cùng ký tên. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đ, bà P đồng ý và đề nghị được nhận tài sản thừa kế bằng hiện vật.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị C, anh Nguyễn Thanh M, chị Nguyễn Thị Kiều T – anh Nguyễn Duy L trình bày:*

Các anh chị là con của ông Nguyễn T1 (chết năm 1989) và bà Nguyễn Thị C. Cụ T và cụ N là cha mẹ chồng của bà C và là ông bà nội của anh L, anh M, chị T. Cụ T và cụ N có 05 người con gồm: bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Đ, ông Nguyễn D (chết), bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn T1 (chết năm 1989). Theo anh L được biết thì bà Nguyễn Thị X là con nuôi của cụ T, cụ N.

Anh L biết cụ N có để lại Di chúc cho ba anh em anh một lô đất 590 m<sup>2</sup> còn Di chúc năm 2003 thì anh không rõ. Ngày 21/10/2010, anh L, anh M, chị T cùng với ông Đ, ông D và bà P tới Ủy ban nhân dân thị trấn Đ ký văn bản phân chia di sản do ông bà nội để lại. Anh đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Đ và đồng ý nhận kỹ phần di sản mà cha anh là ông Nguyễn T1 được nhận trong khối di sản của cụ T, cụ N.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – Ủy ban nhân dân huyện C trình bày:*

Ngày 09/8/2000, Ủy ban nhân dân thị xã CR cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R585645, số vào sổ 00897/QSDĐ/CĐ-CR cho hộ ông Nguyễn T và Phan Thị N tại các thửa đất số 1329, 73, 145, 134 tờ bản đồ số 04, 06, 07, tổng diện tích 5910 m<sup>2</sup>. Theo chính lý tại trang bổ sung Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện C xác nhận ngày 26/02/2010 thì các thửa đất số 73, 1329, 134 tờ bản đồ số 06, 04, 07 đã được thừa kế cho ông Nguyễn D theo Văn bản phân chia tài sản thừa kế được Ủy ban nhân dân thị trấn Đ chứng thực ngày 21/01/2010.

Ngày 24/02/2010, Ủy ban nhân dân huyện C cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn D tại thửa đất số 134 tờ bản đồ số 07 diện tích 3768 m<sup>2</sup>, số vào sổ CH00157 (tăng 143m<sup>2</sup> do cách tính diện tích); thửa đất số 73 tờ bản đồ số 06 diện tích 1375m<sup>2</sup>, số vào sổ CH00156.

Ngày 23/7/2014, Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 134 tờ bản đồ số 07 cho ông Nguyễn Chí T.

Ngày 30/9/2014, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện C chỉnh lý thửa đất số 73 tờ bản đồ số 06 cho bà Huỳnh Thị T.

Ủy ban nhân dân huyện C ủy quyền cho ông Nguyễn Tấn Đ tham gia trong tất cả các giai đoạn tố tụng của vụ án.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện C trình bày:*

Ngày 22/7/2010, Ủy ban nhân dân thị trấn Đ tiếp nhận Phiếu yêu cầu chứng thực văn bản do ông Nguyễn D yêu cầu phân chia di sản thừa kế của ông Nguyễn T (chết năm 2007), bà Phan Thị N (chết ngày 1/5/2003). Sau khi nhận được văn bản yêu cầu chứng thực, Ủy ban nhân dân thị trấn Đ đã mời các đồng thừa kế đến tại Ủy ban nhân dân thị trấn đọc toàn bộ nội dung trong văn bản và đồng ý ký tên vào văn bản. Đồng thời cam đoan ngoài những người nêu trên thì ông thê và bà N không còn người thừa kế nào. Việc Ủy ban nhân dân thị trấn Đ tiến hành chứng thực văn bản phân chia di sản thừa kế là đúng với quy định. Việc giấu người thừa kế là do các đồng thừa kế của ông Nguyễn T.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – Văn phòng công chứng N và C chứng viên Thái Văn N trình bày:*

Văn phòng công chứng N đã được Tòa án tổng đạt tất cả các văn bản tố tụng nhưng người đại diện hợp pháp của Văn phòng không có lời khai, không có mặt tại các buổi làm việc, không có mặt tại phiên tòa nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày về nội dung vụ án.

C chứng viên Thái Văn N trình bày tại văn bản ngày 24/9/2019: Ngày 05/6/2018, VPCC có nhận được yêu cầu làm Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Huỳnh Thị T và ông Nguyễn N V. Qua hồ sơ và xác minh thấy rằng người chuyển nhượng có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất giao dịch không bị các cơ quan chức năng cấm giao dịch chuyển nhượng nên đã tiến hành công chứng hợp đồng giao dịch việc mua bán thửa đất nêu trên cho bà T và ông V theo đúng quy định của pháp luật.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn N V trình bày:*

Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành tổng đạt tất cả các văn bản tố tụng nhưng ông Nguyễn N V không cung cấp lời khai, không có mặt tại các buổi làm việc, không có mặt tại phiên tòa nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày về nội dung vụ án

**Tại Bản án dân sự sơ thẩm 20/2020/DS-ST ngày 16/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa quyết định:**

Căn cứ khoản 5, khoản 11 Điều 20 và khoản 1 Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 675, 676, 677, 685 của Bộ luật dân sự 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

I. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia di sản thừa kế đối với thửa đất số 145 tờ bản đồ số 6 tại địa chỉ: tổ dân phố N, thị trấn Đ, thị xã CR (nay là huyện C), tỉnh Khánh Hòa.

II. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - ông Nguyễn Đ về việc yêu cầu chia tài sản thừa kế theo pháp luật của cụ Nguyễn T và cụ Phan Thị N, yêu cầu hủy văn bản phân chia di sản ngày 21/10/2010, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Xác định người thừa kế tài sản của ông Nguyễn T và bà Phan Thị N là bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Đ, ông Nguyễn D (chết 2014), bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn T1 (chết năm 1989).

Xác định tài sản thừa kế của ông Nguyễn T và bà Phan Thị N là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1329 tờ bản đồ số 04; thửa đất số 73 tờ bản đồ số 06, thửa số 134 tờ bản đồ số 07 cùng tọa lạc tại địa chỉ: tổ dân phố N, thị trấn Đ, thị xã CR (nay là huyện C) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R5 85645, số vào sổ 00897/QSDĐ/CD-CR do ủy ban nhân dân thị xã CR cấp ngày 09/8/2000 cấp cho hộ ông Nguyễn T bà Phan Thị N.

Tổng giá trị di sản chia trong vụ án này là 975.840.000đ. Kỳ phần thừa kế di sản:  $975.840.000đ : 5 = 195.168.000đ$ .

Thanh toán kỷ phần và nhận hiện vật: Bà Huỳnh Thị T, chị Nguyễn Thị Bích T, chị Nguyễn Thị Bích V, anh Nguyễn Chí T, anh Nguyễn Nhật T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn T1 (bà Nguyễn Thị C, anh Nguyễn Duy L, anh Nguyễn Thanh M, Nguyễn Thị Kiều T) mỗi người: 17.344.000đ.

Giao Bà Huỳnh Thị T, chị Nguyễn Thị Bích T, chị Nguyễn Thị Bích V, anh Nguyễn Chí T, anh Nguyễn Nhật T được quyền sử dụng thửa đất số 73 tờ bản đồ số 06, thửa số 134 tờ bản đồ số 07 cùng tọa lạc tại địa 'chỉ: tổ dân phố N, thị trấn Đ, thị xã CR (nay là huyện C) và liên hệ các cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật, (có bản vẽ kèm theo)

Ông Nguyễn Đ có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn T1 (bà Nguyễn Thị C, anh Nguyễn Duy L, anh Nguyễn Thanh M, Nguyễn Thị Kiều T) mỗi người: 177.824.000đ.

Giao ông Nguyễn Đ được quyền sử dụng thửa đất số 1329 tờ bản đồ số 04 tọa lạc tại địa chỉ: tổ dân phố N, thị trấn Đ, thị xã CR (nay là huyện C) và liên hệ các cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật, (có bản vẽ kèm theo)

III. Tuyên hủy văn bản phân chia di sản được ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện C chứng thực ngày 21/01/2010.

Tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và các tài sản khác gắn liền với đất số BA748760, số vào sổ CH0015 cấp ngày 24/02/2010; số BA748759, số vào sổ CH00156 cấp ngày 24/02/2010; số BA

748758, số vào sổ CH00155 cấp ngày 24/02/2010 cùng được ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Nguyễn D.

Ủy ban nhân dân huyện C, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C căn cứ bản án để thực hiện thủ tục hành chính đối với các cấp nhật, chỉnh lý dựa trên các giao dịch dân sự liên quan tới các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo và nghĩa vụ chịu lãi suất do chậm thi hành án.

Ngày 28/9/2020, bà Huỳnh Thị T kháng cáo đề nghị huỷ án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận quyền sở hữu hợp pháp đối với các thửa đất mà chồng bà là ông Nguyễn D chết để lại cho gia đình bà.

Ngày 29/9/2020, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: anh Nguyễn Duy L, anh Nguyễn Thanh M, chị Nguyễn Thị Kiều T kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét cho các anh, chị nhận tài sản thừa kế bằng hiện vật.

#### **Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:**

Bà Huỳnh Thị T và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: anh Nguyễn Duy L, anh Nguyễn Thanh M, chị Nguyễn Thị Kiều T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

*Ý kiến của Luật sư Nguyễn Văn T, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Huỳnh Thị T:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm có nhiều vi phạm về thủ tục tố tụng, chưa thu thập đầy đủ các chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án như: Giấy chứng tử của các cụ là cha, mẹ của cụ T, cụ N để xác định hàng thừa kế còn những ai; chưa đưa hết di sản của cụ T và cụ N và để chia thừa kế, gây thiệt hại cho các đồng thừa kế. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử huỷ bản án sơ thẩm để Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

*Ý kiến của bà Huỳnh Thị T:* Thống nhất như ý kiến của Luật sư.

*Ý kiến của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm:* anh Nguyễn Duy L, anh Nguyễn Thanh M, chị Nguyễn Thị Kiều T: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm để chia di sản thừa kế bằng hiện vật cho các anh chị em.

*Ý kiến của ông Nguyễn Đ, bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị P:* Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm vì như thế là hợp tình, hợp lý.

*Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Do Tòa án cấp sơ thẩm có nhiều vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử huỷ bản án dân sự sơ thẩm để giải quyết lại vụ án.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**



*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của Bà Huỳnh Thị T và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: anh Nguyễn Duy L, anh Nguyễn Thanh M, chị Nguyễn Thị Kiều T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2] Đối với yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị T đề nghị huỷ án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận quyền sở hữu hợp pháp đối với các thửa đất mà chồng bà là ông Nguyễn D chết để lại cho gia đình bà. Xét thấy, về tài sản thừa kế: Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R585645, số vào sổ 00897/QSĐĐ/CD-CR do Ủy ban nhân dân thị xã CR cấp ngày 09/8/2000 cấp cho hộ ông Nguyễn T bà Phan Thị N gồm: thửa đất số 1329 tờ bản đồ số 04 diện tích 320 m<sup>2</sup>; thửa đất số 73 tờ bản đồ số 06 diện tích 1.375 m<sup>2</sup>; thửa đất số 145 tờ bản đồ số 06 diện tích 590 m<sup>2</sup>; thửa số 134 tờ bản đồ số 07 diện tích 3.625 m<sup>2</sup> cùng tọa lạc tại địa chỉ: tổ dân phố N, thị trấn Đ, thị xã CR (nay là huyện C). Các đương sự thừa nhận: Cụ T chết không để lại di chúc; cụ N để lại Di chúc ngày 08/10/2003; tuy nhiên, do không hợp lệ nên các đương sự đề nghị chia di sản thừa kế theo pháp luật. Riêng thửa đất số 145 tờ bản đồ số 06, ông Đ không yêu cầu giải quyết nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử là có căn cứ.

[3] Về hàng thừa kế: Ông Đ, bà X, bà P, ông L xác định: cụ T và cụ N có 05 người con gồm: bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Đ, ông Nguyễn D, bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn T1 (chết năm 1989). Ngoài ra, cụ T cụ N không còn con chung, con riêng nào khác. Ngược lại, bị đơn không xác định được bà Nguyễn Thị X là con đẻ hay con nuôi của cụ T, cụ N. Xét thấy, theo Thẻ căn cước số 00606986 của Việt Nam Cộng Hòa cấp năm 1969, Giấy khai sinh số 126/2015, quyển số 01/2015 ngày 31/12/2015 đều thể hiện: bà Nguyễn Thị X có cha ông Nguyễn T, mẹ bà Phan Thị N. Như vậy, hàng thừa kế thứ nhất của cụ T, cụ N gồm 5 người: bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Đ, ông Nguyễn D, bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn T1. Ông Nguyễn D chết năm 2014 có vợ là bà Huỳnh Thị T, các con: Nguyễn Thị Bích T, Nguyễn Thị Bích V, Nguyễn Chí T, Nguyễn Nhật T, là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn D. Ông Nguyễn T1 chết năm 1989 có vợ là bà Nguyễn Thị C, các con: Nguyễn Duy L, Nguyễn Thanh M, Nguyễn Thị Kiều T, là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn T1.

[4] Về kỹ phần thừa kế: Theo Biên bản định giá ngày 14/01/2019: Giá đất trồng cây hàng năm tại thửa đất số 73 tờ bản đồ số 6 và thửa đất số 134 tờ bản đồ số 7 là 48.000đ/m<sup>2</sup>. Giá trị thửa đất số 73 tờ bản đồ số 6: 1.375m<sup>2</sup> x 48.000đ/m<sup>2</sup> = 66.000.000đ. Giá trị thửa đất số 134 tờ bản đồ số 7: 3.625m<sup>2</sup> x 48.000đ/m<sup>2</sup> = 174.000.000đ. Giá trị thửa đất số 1329 tờ bản đồ số 4 theo Biên bản định giá ngày 13/8/2020: (200m<sup>2</sup> x 3.600.000đ/m<sup>2</sup>) + 120m<sup>2</sup> x 72.000đ/m<sup>2</sup> = 728.640.000đ. Giá trị tài sản trên đất: các đương sự xác định trên đất chỉ có 04 cây xoài lão do ông T bà N trồng trên thửa 134 tờ bản đồ số 7, các cây xoài còn lại do ông D, anh T trồng. Trên thửa đất 1329 hiện là đất trống. Do đó, giá trị tài

sản thừa kế trên đất là 04 cây xoài x 1.800.000đ = 7.200.000đ. Tổng giá trị di sản là: 66.000.000đ + 174.000.000đ + 728.640.000đ + 7.200.000đ = 975.840.000đ. Giá trị mỗi kỷ phần di sản là: 975.840.000đ : 5 = 195.168.000đ. Do giao thừa đất số 73, 134 cho ông Nguyễn D nên hàng thừa kế thứ nhất của ông D có nghĩa vụ thanh toán tiền chênh lệch cho 03 thừa kế của cụ T, cụ N số tiền: 52.032.000đ : 3 = 17.344.000đ; giao thừa đất số 1329 cho ông Nguyễn Đ nên ông Đ phải thanh toán tiền chênh lệch cho 03 thừa kế của cụ T, cụ N số tiền: 533.472.000đ : 3 = 177.824.000đ.

[5] Đối với yêu cầu kháng cáo của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Duy L, anh Nguyễn Thanh M, chị Nguyễn Thị Kiều T về phân chia di sản bằng hiện vật. Hội đồng xét xử xét thấy, các anh, chị đều cư trú tại nơi khác, hiện đã có nhà cửa ổn định; đồng thời, quyền sử dụng đất là đất nông nghiệp, ông Nguyễn D đã quản lý, canh tác, sử dụng từ năm 2003 tới khi chết thì vợ con ông D tiếp tục quản lý, canh tác, sử dụng. Do đó, xét yêu cầu nhận hiện vật của các anh, chị là không phù hợp quy định của pháp luật đất đai về sử dụng đất nông nghiệp.

[6] Đối với thừa đất số 145 tờ bản đồ số 6 do các đương sự không yêu cầu phân chia di sản thừa kế theo pháp luật nên nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định vẫn là di sản của cụ Nguyễn T và cụ Phan Thị N và sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu là có căn cứ.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy các đương sự kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì mới để bảo vệ yêu cầu kháng cáo của mình, vì vậy không có cơ sở để chấp nhận; ý kiến của Kiểm sát viên không phù hợp nên không được chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[8] Các quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các đương sự phải chịu án phí phúc thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì những lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 675, 676, 677, 685 của Bộ luật Dân sự 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị T và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: anh Nguyễn Duy L, anh Nguyễn Thanh M, chị Nguyễn Thị Kiều T; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2020/DS-ST ngày 16/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia di sản thừa kế đối với thửa đất số 145 tờ bản đồ số 6 tại địa chỉ: tổ dân phố N, thị trấn Đ, thị xã CR (nay là huyện C), tỉnh Khánh Hòa.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Nguyễn Đ về việc yêu cầu chia tài sản thừa kế theo pháp luật của cụ Nguyễn T và cụ Phan Thị N, yêu cầu hủy văn bản phân chia di sản ngày 21/10/2010, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Xác định người thừa kế tài sản của ông Nguyễn T và bà Phan Thị N là bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Đ, ông Nguyễn D (chết 2014), ông Nguyễn T1 (chết năm 1989).

Xác định tài sản thừa kế của ông Nguyễn T và bà Phan Thị N là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1329 tờ bản đồ số 04; thửa đất số 73 tờ bản đồ số 06, thửa số 134 tờ bản đồ số 07 cùng tọa lạc tại địa chỉ: tổ dân phố N, thị trấn Đ, thị xã CR (nay là huyện C) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R585645, số vào sổ 00897/QSDD/CD-CR do Ủy ban nhân dân thị xã CR cấp ngày 09/8/2000 cho hộ ông Nguyễn T bà Phan Thị N.

Tổng giá trị di sản chia trong vụ án này là 975.840.000đ. Kỳ phần thừa kế di sản:  $975.840.000đ : 5 = 195.168.000đ$ .

Thanh toán kỷ phân và nhận hiện vật: Bà Huỳnh Thị T, chị Nguyễn Thị Bích T, chị Nguyễn Thị Bích V, anh Nguyễn Chí T, anh Nguyễn Nhật T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn T1 (bà Nguyễn Thị C, anh Nguyễn Duy L, anh Nguyễn Thanh M, Nguyễn Thị Kiều T) mỗi người: 17.344.000đ.

Giao Bà Huỳnh Thị T, chị Nguyễn Thị Bích T, chị Nguyễn Thị Bích V, anh Nguyễn Chí T, anh Nguyễn Nhật T được quyền sử dụng thửa đất số 73 tờ bản đồ số 06, thửa số 134 tờ bản đồ số 07 cùng tọa lạc tại địa chỉ: tổ dân phố N, thị trấn Đ, thị xã CR (nay là huyện C) và liên hệ các cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật. (có bản vẽ kèm theo)

Ông Nguyễn Đ có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn T1 (bà Nguyễn Thị C, anh Nguyễn Duy L, anh Nguyễn Thanh M, Nguyễn Thị Kiều T) mỗi người: 177.824.000đ.

Giao ông Nguyễn Đ được quyền sử dụng thửa đất số 1329 tờ bản đồ số 04 tọa lạc tại địa chỉ: tổ dân phố N, thị trấn Đ, thị xã CR (nay là huyện C) và liên hệ các cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật. (có bản vẽ kèm theo)

4. Tuyên hủy văn bản phân chia di sản được Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện C chứng thực ngày 21/01/2010.

Tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và các tài sản khác gắn liền với đất số BA748760, số vào sổ CH0015 cấp ngày 24/02/2010; số BA748759, số vào sổ CH00156 cấp ngày 24/02/2010; số BA

748758, số vào sổ CH00155 cấp ngày 24/02/2010 cùng được Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Nguyễn D.

Ủy ban nhân dân huyện C, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C căn cứ bản án để thực hiện thủ tục hành chính đối với các cập nhật, chỉnh lý dựa trên các giao dịch dân sự liên quan tới các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

T hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Các quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Việc thi hành án được thực hiện theo Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2020/DS-ST ngày 16/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị T và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: anh Nguyễn Duy L, anh Nguyễn Thanh M, chị Nguyễn Thị Kiều T phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các Biên lai thu tiền số 0001355 ngày 21/10/2020 và số 0001361 ngày 26/10/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Võ Ngọc Thông**